TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2023/DS-PT
Ngày: 31-5-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu. .

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 145/2023/QĐ-PT, ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Hồng V, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 1, ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 4, ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Chị Hoàng Thị T – là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 22/12/2022, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng V trình bày:

Vào ngày 26/11/2020 chị có cho chị T vay số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 2.500.000 đồng/tháng, khi vay không thế chấp tài sản, có

làm giấy mượn tiền do chị V viết, chị T ký tên người mượn tiền, hẹn 06 tháng trả. Từ khi vay tiền đến nay chị T vẫn chưa trả cho chị V được số tiền gốc và lãi.

Nay chị V yêu cầu chị T trả cho chị số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 26/11/2020 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị thừa nhận vào ngày 26/11/2020 chị có vay của chị V số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/tháng. Giấy vay tiền do chị V viết, chị T ký tên người vay tiền, hẹn 6 tháng sau trả. Chị đã trả cho chị V được 6 tháng tiền lãi với số tiền 12.000.000 đồng (2.000.000 đồng/1 tháng) và trả cho chị V tiền gốc 100.000.000 đồng tại nhà chị V. Chị V có hứa là xé bỏ giấy vay tiền nhưng đến nay chị V không xé bỏ mà lại khởi kiện. Khi chị trả tiền lãi và tiền gốc cho chị V thì không làm giấy, cũng không có ai chứng kiến.

Nay chị không đồng ý trả cho chị V số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi vì chị đã trả đủ tiền cho chị V.

Bản án sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng V đối với chị Hoàng Thị T về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Hoàng Thị T có nghĩa vụ trả lại cho chị Phạm Thị Hồng V 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tiền gốc và 22.410.000 (hai mươi hai triệu bốn trăm mười nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 122.410.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/3/2023, bị đơn chị Hoàng Thị T có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V vì chị đã trả hết tiền vay cho chị V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả cho chị V 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi vì đã trả xong, khi trả tiền không có yêu cầu chị V trả lại giấy nợ.

- Chị V không thừa nhận cho rằng chị T chưa trả tiền vay gốc và lãi, yêu cầu chị T trả cho chị V số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi như bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị T, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Hoàng Thị T đúng thời hạn, phù hợp với quy định tại Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị Hoàng Thị T thấy rằng:

[2.1] Chị V khởi kiện yêu cầu chị T trả tiền vay 100.000.000 đồng, theo giấy vay tiền ngày 26/11/2020. Chị T thừa nhận có vay của chị V 100.000.000 đồng, chữ ký và chữ viết họ và tên trong giấy vay tiền ngày 26/11/2020 là do chị T viết và ký tên, hẹn 06 tháng trả. Như vậy, có đủ căn cứ xác định chị T có vay của chị V số tiền 100.000.000 đồng.

[2.2] Chị T cho rằng chị đã trả cho chị V số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 26/4/2021, chị vay tiền của chị Gấm để trả cho chị V. Chị V không thừa nhận, chị T không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc trả tiền. Qua xác minh chị Gấm trình bày chị có cho chị T vay tiền, còn việc chị T có trả tiền cho chị V hay không chị không biết. Do đó, việc chị T cho rằng đã trả chị V 100.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi, thấy rằng: Chị V và chị T đều thừa nhận khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất. Chị V yêu cầu chị T phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày vay tiền 26/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, làm tròn thành 27 tháng. Chị T cho rằng chị trả cho chị V được 6 tháng tiền lãi thành tiền là 12.000.000 đồng, chị V không thừa nhận, chị T không có chứng cứ chứng minh chứng cho việc trả tiền lãi. Xét thấy, yêu cầu trả lãi suất của chị V là phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị T trả cho chị V tiền lãi 100.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 27 tháng = 22.410.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[3] Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ khách quan nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, chị T không cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị T kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên chị phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Chị T vay tiền của chị V, hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi. Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên: "Kể từ ngày người được thi hành án chị Phạm Thị Hồng V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chị Hoàng Thị T không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án chị Hoàng Thị T còn phải trả cho người được thi hành án chị Phạm Thị Hồng V số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015" là chưa đúng quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ cho đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hoàng Thị T.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng V đối với chị Hoàng Thị T, về việc " Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Buộc chị Hoàng Thị T có nghĩa vụ trả lại cho chị Phạm Thị Hồng V 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tiền gốc và 22.410.000 (hai mươi hai triệu bốn trăm mười nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 122.410.000 (một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm mười nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị Hồng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị Phạm Thị Hồng V số tiền 2.749.000 (hai triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0007851 ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Chị Hoàng Thị T phải chịu 6.120.500 (sáu triệu một trăm trăm hai mươi nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0008015 ngày 24/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. T;
- CCTHADS h. T;
- Phòng KTNV & THA TAT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Thị Tuyền